TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2022/HNGD-ST
Ngày: *29/09/2022*
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Ông Nguyễn Phú Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà Trần Thị Xuân – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O – sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C – sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2021 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông C thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà xúc phạm bà O. Dù cố gắng hòa giải để sống chung với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng rạn nứt. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Trang (Giới tính nữ), sinh ngày: 22/12/2001 và Nguyễn Thị Thu Ngân (Giới tính nữ), sinh ngày: 22/02/2016. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân. Cháu Trang đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng: Bà O không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn C không có trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho việc ra quyết định, bản án đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của bị đơn, ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn và yêu cầu về nuôi con chung của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị O có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn C đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C cư trú tại thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo điểm a khoản 01 Điều 35; khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bà O, trước khi mở phiên tòa bà O đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc xin vắng mặt là ý chí, nguyện vọng của nguyên đơn, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định khoản 01 Điều 228 Bố luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của ông C từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông C nhiều lần đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C không hợp tác, không đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia buổi hòa giải cũng như tham gia phiên tòa. Như vậy, ông C đã tự khước từ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227; khoản 03 Điều 228 Bố luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 04/10/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà O trình bày ông bà không hợp nhau, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông C thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà xúc phạm bà O. Ông C không đến tòa làm bản tự khai cũng như không có ý kiến trình bày gì phản đối lại ý kiến của bà O. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà O và ông C là có thật. Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của bà O và ông C không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng nhau nên hạnh phúc gia đình ngày càng rạn nứt.

Quá trình giải quyết vụ án ông C nhiều lần đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng ông C không hợp tác, không làm bản tự khai, không đến Tòa án tham gia buổi hòa giải cũng như tham gia phiên tòa. Điều này chứng tỏ ông C không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn của bà O và ông C đã làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc bà O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C là hoàn toàn chính đáng nên được chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Trang (Giới tính nữ), sinh ngày: 22/12/2001 và Nguyễn Thị Thu Ngân (Giới tính nữ), sinh ngày: 22/02/2016. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Vì ông C không có bản tự khai, không tham gia phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa thể hiện ông C không có thiện chí thỏa thuận về nuôi con chung. Mặt khác, từ trước đến nay cháu Ngân sống cùng bà O và do bà O chăm sóc ổn định. Để đảm bảo ổn định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu Ngân nên để bà O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và phù hợp với nguyện vọng của bà O. Cháu Trang đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 05 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Điều 147, Điểm b khoản 02 Điều 227; Khoản 01, 03 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 05 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị O được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thu Ngân (Giới tính nữ), sinh ngày: 22/02/2016 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn bà O và ông C vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004839 ngày 15/02/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L thu. Bà O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo bản án của bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn C là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã L;*
- *Chi cục THA dân sự thị xã L;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn: UBND xã T, thị xã L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Biện Việt Hùng